

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 3 – Đợt 2

1. **Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. **Ngày quan trắc:** 30 – 31/03/2026

Ngày cung cấp TT: 01/04/2026

3. **Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Đang sửa công.
2	2	Công Hữu Bị	Công đóng
3	3	Công Cốc Thành	Công đóng
4	4	Công sông Chanh	Công mở.
5	5	Công Nhâm Tràng	Đang sửa công.
6	6	Công Kinh Thanh	Công đóng.
7	7	Công Cổ Đam	Công đóng.
8	8	Công Vĩnh Trị	Công đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Công đóng
10	13	Đầu kênh CG16	Công mở.
11	15	Đầu kênh S17	Công mở.
12	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Tư vấn Chất lượng nước, Môi trường – Trung tâm Chất lượng và Bảo vệ Tài nguyên nước - Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Bình, Chi cục thủy lợi Ninh Bình.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

*A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Cống Như Trác, Cổng Hữu Bị, Cổng Cốc Thành, Cổng Sông Chanh, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cổng 3-2, Đập Vua (CG12), Cầu Chủ (sông Châu Giang), Đầu kênh T5.***

*B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Kinh Thanh, Đầu kênh C9, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), Đầu kênh CG 16, Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Bể hút trạm bơm Quỹ Độ.***

*C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Cổ Đam, Đầu kênh S17.***

*D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên.***

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường						Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2023 - A</i>					6.5 – 8.5		≥ 6		
<i>QCVN 08:2023 - B</i>					6 – 8.5		≥ 5		
<i>QCVN 08:2023 - C</i>					6 – 8.5		≥ 4		
<i>QCVN 08:2023 - D</i>					< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
1	Cổng Như Trác	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Nhiệt độ ngoài trời 33°C, độ ẩm 61%, mật độ mây 86%, gió Bắc 11 km/h. Đang sửa cống. Trạm bơm đang lấy nước tưới. Nước màu vàng lục.	26.28	7.35	56.8	6.07	225	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
2	Cổng Hữu Bị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Nhiệt độ ngoài trời 35°C, độ ẩm 54%, mật độ mây 86%, gió Bắc 13 km/h. Cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước ngoài sông cao hơn trong đồng. Nước màu vàng lục.	28.27	7.35	32.9	6.51	215	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
3	Cổng Cốc Thành	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực huyện Vụ	Nhiệt độ ngoài trời 26°C, độ ẩm 86%, gió Bắc 14 km/h. Cống đóng. Trạm bơm đang lấy nước tưới. Mực nước nội	26.03	7.9	78.4	6.97	605	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường						Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6		
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5		
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4		
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
		Bản.	đồng cao hơn ngoài sông.						
4	Cống Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Nhiệt độ ngoài trời 28°C, độ ẩm 78%, gió Bắc 15 km/h. Cống mở, đang lấy nước vào nội đồng, dòng chảy chậm. Nước màu vàng lục.	26.36	7.47	28.5	7.62	393	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
5	Cống Nhâm Tràng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	Nhiệt độ ngoài trời 36°C, độ ẩm 45%, gió Bắc 15 km/h, mật độ mây 90%. Cống đóng. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	30.78	7.85	34.0	5.59	561	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
6	Cống Kinh Thanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới,	Nhiệt độ ngoài trời 36°C, độ ẩm 45%, gió Bắc 15 km/h. Cống đóng. Trạm bơm đang	29.32	7.95	60.4	5.87	487	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường						Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>			6.5 – 8.5		≥ 6		
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>			6 – 8.5		≥ 5		
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>			6 – 8.5		≥ 4		
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
		tưới cho huyện Thanh Liêm.	lấy nước tưới. Mục nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục.							đạt mức B
7	Cống Cỏ Đam	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho huyện Ý Yên	Nhiệt độ ngoài trời 37°C, độ ẩm 45%, gió Bắc 14 km/h. Cống đóng. Trạm bơm đang lấy nước tưới. Mục nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.	29.59	7.74	60.8	4.71	476		Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B (< 5 mg/l)
8	Cống Vĩnh Trị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho huyện Ý Yên và huyện Vụ Bản.	Nhiệt độ ngoài trời 29°C, độ ẩm 73%, gió Bắc 12 km/h. Cống đóng. Mục nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.	26.94	7.74	48	6.92	402		Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
9	Đầu kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam	Nhiệt độ ngoài trời 26°C, độ ẩm 84%, gió Bắc 13 km/h. Dòng chảy hướng ra sông Chanh. Nước màu vàng lục.	26.67	7.80	85.4	6.9	718		Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường						Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>			6.5 – 8.5		≥ 6		
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>			6 – 8.5		≥ 5		
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>			6 – 8.5		≥ 4		
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
		Định.								
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Nhiệt độ ngoài trời 27°C, độ ẩm 83%, gió Bắc 13 km/h. Dòng chảy chậm hướng ra sông Chanh. Nước màu vàng lục.	26.92	8.03	108	5.70	2550	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B	
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên.	Nhiệt độ ngoài trời 29°C, độ ẩm 73%, mật độ mây 60%, gió Bắc 12 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy. Nước màu vàng lục.	27.52	8.00	46.6	5.23	451	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B	
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho huyện Bình	Nhiệt độ ngoài trời 31°C, độ ẩm 65%, gió Bắc 9km/h. Cống đóng, không có dòng chảy. Mực nước sông Châu cao hơn. Nước màu xanh.	27.01	7.25	32.1	5.60	515	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường						Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>			6.5 – 8.5		≥ 6		
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>			6 – 8.5		≥ 5		
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>			6 – 8.5		≥ 4		
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
		Lục.								
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Nhiệt độ ngoài trời 34°C, độ ẩm 57%, gió Bắc 13 km/h. Cống mở. Dòng chảy chậm từ sông Châu vào.	27.55	7.22	128.5	5.13	274	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B	
14	Cống 3-2	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho huyện Mỹ Lộc.	Nhiệt độ ngoài trời 36°C, độ ẩm 47%, gió Bắc 12 km/h. Cống đóng, mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.	27.81	7.56	19.4	6.56	270	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A	
15	Đầu kênh S17	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp huyện Ý Yên.	Nhiệt độ ngoài trời 36°C, độ ẩm 47%, gió Bắc 12 km/h. Cống mở. Dòng chảy chậm từ sông Sắt vào. Nước màu xanh lục.	28.68	7.53	64.4	4.08	522	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B (< 5 mg/l)	
16	Đập Vùa (CG12)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho	Nhiệt độ ngoài trời 33°C, độ ẩm 59%, gió Bắc 11 km/h. Cống đóng, mực nước sông	27.17	7.50	50.1	6.77	349	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường						Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>			6.5 – 8.5		≥ 6		
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>			6 – 8.5		≥ 5		
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>			6 – 8.5		≥ 4		
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
		huyện Lý Nhân.	Châu cao hơn. Nước màu xanh lục.							đạt mức A
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Nhiệt độ ngoài trời 32°C, độ ẩm 64%, gió Bắc 10 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy, thượng lưu cầu có nhiều bèo.	27.52	7.42	55.1	6.23	485		Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Nhiệt độ ngoài trời 37°C, độ ẩm 45%, gió Bắc 14 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Cỏ Đam. Nước màu xanh lục.	29.95	7.75	57.7	5.03	585		Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
19	Bể hút trạm bơm Quỹ Độ	Kiểm tra chất lượng nước tại trạm bơm Quỹ Độ.	Nhiệt độ ngoài trời 37°C, độ ẩm 44%, gió Bắc 14 km/h. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	30.53	8.06	44.4	5.46	544		Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
20	Đầu kênh	Kiểm tra chất lượng nước hệ	Nhiệt độ ngoài trời 31°C, độ	27.52	7.34	79.1	7.3	449		Các chỉ tiêu quan trắc hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường						Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>			6.5 – 8.5		≥ 6		
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>			6 – 8.5		≥ 5		
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>			6 – 8.5		≥ 4		
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
	T5	thông tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	ẩm 68%, gió Bắc 12 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy, nước màu vàng lục						trường pH, DO đạt mức A

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Ninh Bình;
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Ninh Bình;
- Lưu Phòng TVCLN, MT.

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2026

**TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA
TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA**